TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/**2018/HNGĐ - ST
Ngày 02/10/2018
V/v Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Phan
2. Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị V - Sinh năm 1986 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thành Đ - Sinh năm 1984 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm 5, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi làm việc hiện nay: Bộ phận kỹ thuật A, B, xã G, huyện Ph, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị V trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Hoàng Thành Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 22 ngày 23 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: tính cách, quan điểm không hợp nhau. Do anh Đ nói không đúng, chị không nghe theo. Anh Đ cho rằng mình là người thế này thế kia, chê

bai người khác, chửi bới, sỉ nhục và thường xuyên đánh đập chị, ngay cả khi chị mang thai và sau khi sinh con. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 7/2016, sống ly thân từ tháng 8/2016. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Đ.

Về con: chị và anh Hoàng Thành Đ có 01 con chung là Hoàng Mai Ngọc D, sinh ngày 24/5/2016 đang ở với chị. Hiện nay chị làm nghề cảnh quan tại Công ty TNHH S,Thanh Hóa, thu nhập trung bình 6.000.000đ/tháng. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên xin được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ, kể từ tháng 10/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 06 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Kiên Giang lấy lời khai của anh Hoàng Thành Đ, nội dung anh khai như sau: anh và chị Mai Thị V xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23/3/2015. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bản tính của chị V rất bướng bỉnh. Khi vợ chồng bàn tính công việc trong gia đình thì có tranh luận với nhau nhưng chị V đều tỏ ra ngang ngược, không biết lắng nghe ý kiến trao đổi của chồng. Anh bực tức nên có tát chị V vài cái tát nhưng không đến mức gây thương tích. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng diễn ra thường xuyên. Anh và chị V ly thân từ cuối năm 2016. Anh xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị V không thể kéo dài, không xây dựng được gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị V xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: vợ chồng có 1 con chung là Hoàng Mai Ngọc D đang ở với chị V như chị V trình bày. Anh làm kỹ thuật viên Công ty A, thu nhập từ lương 10.000.000đ/tháng, đã khấu trừ chi phí cá nhân, ngoài ra không còn khoản thu nhập khác. Anh đồng ý để chị Viên trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Ph còn thu thập đơn của anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83,

Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị V được ly hôn anh Hoàng Thành Đ. Về con: giao chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.5000.000đ/tháng kể từ thời điểm xét xử đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản, công nợ chung: chị V và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: anh Hoàng Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Mai Thị V và anh Hoàng Thành Đ dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp, không kiên nhẫn lắng nghe ý kiến của nhau dẫn đến cãi nhau và do không kiềm chế được nên anh đã đánh chị. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh K tại bản tự khai cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn anh Đ là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: xác định chị V và anh Đ có 01 con chung, đang ở với chị V. Anh chị có chung quan điểm về giao nuôi con và vấn đề cấp dưỡng. Xét thấy ý kiến của chị V và anh Đ là phù hợp quy định pháp luật và thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: chị V và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: chị V khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Mai Thị V được ly hôn anh Hoàng Thành Đ.

2. Về con chung: giao chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoàng Mai Ngọc D, sinh ngày 24/5/2016. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 10/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Mai Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006745 ngày 27/8/2018, chấp nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí. Anh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị V, vắng mặt anh Đ. Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ